



# TẬP ĐỌC

lớp nhì

BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN



Trần Hoàng

5/2071

TỦ SÁCH  
NGUYỄN TRỌNG TUẤN  
An Dân Tân Tạo, An Lộc - 22031975

# TẬP ĐỌC

## LỚP NHÌ

SÁCH TẬP ĐỌC BẬC TIỂU-HỌC  
BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN  
1969

EN Học-Liệu và PC c-Liệu U

N ĐẤT

TH G HẢI

HỢP

HOANG MI  
MUSEUM OF VIETNAM  
HANOI

Như mới những năm tháng đầu xuân  
cũ tươi học tập 1975...  
Số qm 24/6/2011  
MLL

Soạn thảo dưới sự hướng dẫn của

- Ông TRỊNH HUY TIẾN  
Nguyên Chánh-Sự-Vụ Sở Học-Liệu và
- Ông LÝ CHÁNH ĐỨC  
Giám-Đốc Trung-Tâm Học-Liệu
- Ông ĐÌNH GIA DZU  
Đại-diện Nha Tiều-Học

Với sự tham-gia ý-kiến của

- Ông HÀ MAI ANH
- Ông ĐOÀN XUYỀN
- Ông THÈM VĂN ĐÁT
- Bà HÀ THỊ MINH

Sốan-giả

- Cô TRẦN THỊ ĐÌNH
- Bà NGUYỄN ĐĂNG HẢI

Chuyên-viên Tu-Thư

- Cô NGUYỄN THỊ HỢP

Họa-sĩ

BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU

- In lần thứ nhất : 1965
- In lần thứ hai : 1968
- In lần thứ ba : 1969

BAN BIÊN TẬP

## CÁC EM HỌC-SINH THÂN-MẾN

Chắc các em thấy quyển sách này được in đẹp-đẽ, tranh vẽ và bài soạn công-phu, khiến các em vui thích ham học.

Các em hãy giữ-gìn nâng-niêu nó :

- Tay các em có sạch-sẽ, các trang sách mới không bị các vết bẩn của mực, bụi-bậm hoặc mờ-hôi.
- Nên lật mở các trang cho thông-thả, đừng để sách bị ai giằng-co làm rách nát hoặc cuốn góc. Nếu cần đánh dấu trang thì dùng một miếng giấy cứng nhỏ hoặc một cái tăm sạch ; đừng gấp nát trang giấy.
- Sách này còn dùng cho các niên-học sau, cho các em đến sau mụơn, vậy các em đừng để ai vẽ gạch bậy-bạ. Các em đừng ghi-chú gì vào sách. Nếu cần làm thì chỉ ghi rất nhẹ tay bằng bút chì để sau dễ tẩy đi (ví-dụ như trong sách Toán).
- Trong nhà, các em nên có chỗ để sách cho ngăn nắp, đừng vứt bừa-bãi, cũng đừng ấn nhét bừa đầy cặp khi đi học, mà phải để cho ngay-ngắn, tươm-tất, như thế sách mới lâu hỏng.

Giữ sách được sạch-sẽ, nguyên lành, các em sẽ tự-hào là học-sinh ngoan, làm vui lòng thầy, cô, và nhất là tránh được cho các em dùng sau khỏi bực mình vì sách bẩn hoặc hư, rách.

GIÁM-ĐỐC NHÀ TIÊU-HỌC VÀ GIAO-DỤC CỘNG-ĐỒNG

## Lời nói đầu

Ngày nay khoa Việt-ngữ được dùng để đào-luyện và phát-huy văn-hóa dân-tộc. Trong các bậc học, Việt-ngữ được dùng làm chính-ngữ và chuyên-ngữ để trau-giồi học-vấn và mở mang trí-thức. Bởi thế việc luyện-tập quốc-văn trở nên cần-thiết.

Học-sinh tiểu-học có một căn-bản Việt-ngữ vững chắc thì mới có đủ « tài-liệu dùng trong sự phát-biểu tư-tưởng của mình bằng lời nói hoặc câu văn, hiểu biết tư-tưởng của những người chung-quanh mình khi nghe lời nói hoặc khi đọc câu văn ».

Trong việc huấn-luyện quốc-văn, môn tập đọc thường được chú-trọng hơn cả vì môn này có thể bao gồm nhiều môn khác. Thực vậy, trong một bài tập đọc, học-sinh có thể học được nhiều từ-ngữ mới. Trong một bài tập đọc, nhiều đoạn có thể dùng làm chính-tả, nhiều câu có thể dùng để dẫn giảng về văn-phạm.

Ngoài ra, những bài tập đọc lại còn có thể dùng làm mẫu cho các bài luận về đề-tài cũng như về các thể văn. Những bài văn này, văn xuôi có giá-trị dùng làm bài học thuộc lòng khiến các em dễ thấm-nhuần được những ý đẹp lời hay và chóng tiến-bộ về quốc-văn.

Theo kế-hoạch của Bộ Giáo-Dục về việc soạn thảo sách giáo-khoa cho bậc Tiểu-học, quyền Tập Đọc Lớp Nhì này được biên-tập với sự hội-iv của ban chuyên-viên Tu-thư Trung-Tâm Học-Liệu.

Sách soạn theo chương-trình Ngữ-vựng lớp Nhì và hướng về đạo-đức cổ-truyền, về tinh-thần quốc-gia, xã-hội, nhằm mục-đích rèn-luyện tâm-tính, đồng thời làm nảy nở tinh-thần yêu nước thương nòi của các em.

Nội-dung sách gồm có :

— 64 bài tập đọc.

— 32 bài học thuộc lòng.

— 12 truyện giải-trí.

Các bài tập đọc và học thuộc lòng đều tuyên-trích trong các tác-phẩm của những nhà văn cận-đại và hiện-đại. Thêm vào đó, có một vài bài dịch-văn ngoại-quốc để các em có dịp biết đến tinh hoa văn-hóa nước ngoài.

Trong việc lựa chọn những bài nói trên, chúng tôi chú trọng về giá-trị văn-chương và tư-tưởng để nâng cao tâm-hồn các em trong khi rèn luyện Việt-ngữ. Chúng tôi cũng không quên tính cách thiết-thực của các bài để trong khi đọc và học, các em được gần-gũi với hoàn-cảnh xã-hội và đời sống thực-tế hàng ngày. Về những bài học thuộc lòng, chúng tôi đã chọn những bài văn vần mới-mẻ, nhẹ-nhàng, tươi sáng, phù-hợp với tuổi thơ.

Dưới mỗi bài tập đọc, mỗi bài học thuộc lòng có các phần như giải nghĩa, phân đoạn, đại ý, câu hỏi, ý-tưởng và lời văn, mục-đích để giúp quý-vị đồng-nghiệp khởi mắt thì giờ trong việc soạn bài và các em học-sinh khi về nhà có phương-tiện nhớ lại những lời thầy giảng dạy, hoặc chuẩn-bị cho bài đọc kỳ sau.

Về phần giải-nghĩa, các danh-từ ghép gốc ở chữ Hán được giảng phân-minh theo lối tách riêng từng tiếng rồi hợp lại mà giải-thích toàn danh-từ.

Mỗi bài văn đều có minh-họa để các em vui đọc và hiểu thêm những ý-nghĩa trong bài.

Những truyện giải-trí, ngoài tính-cách giúp vui cho các em, còn ngụ một ý luân-lý nữa.

Chúng tôi đã cố-gắng rất nhiều trong việc biên soạn sách này, nhưng vì thời-gian biên-tập gấp rút, tất không thể tránh khỏi ít nhiều khuyết-điểm, kính mong các bậc cao-minh sẽ vui lòng chi-giáo cho, chúng tôi rất trân cảm.

Lời sau chót của chúng tôi là lời chân-thành biết ơn gửi đến quý-vị văn-gia, thi-sĩ, ký-giả có tác-phẩm trích in trong sách này. Chúng tôi tiếc không đủ phương-tiện để xin phép từng vị tác-giả trước khi sách này được ấn-hành, dám mong quý-liệt-vị vì mục-đích giáo-dục chung mà thứ lỗi cho.

Soạn giã.

## Chủ-điểm

### THÔN QUÊ

Cách sinh-hoạt ở thôn quê

### THÀNH-THỊ

Công sở, dinh-thự

Cách sinh-hoạt ở thành-thị

Thuần-phong mỹ-tục

### NGHỀ-NGHIỆP

Đồ dùng của thợ

Các nhà máy

### THƯƠNG-MAI

Cửa hàng

Chợ

Hàng-hóa

Việc buôn bán

### SỰ GIAO-THÔNG

Cách vận-tải

Bưu-chính

### VŨ-TRỤ

Trời đất

Hiện-tượng và thời-tiết

Âm-lịch và dương-lịch

## MỤC - LỤC

### THÔN - QUÊ

1 -- Làng tôi	Thơ-Việt	14
2 -- Xóm giếng	Tô-Hoài	16
3 -- Hè đá qua rồi	Đ.S.	18

### CÁCH SINH-HOẠT Ở THÔN-QUÊ

4 -- Ngôi nhà bác Xa Bằng	Trần-Tiêu	20
5 -- Thăm vườn cũ	Đỗ-Tốn	22
6 -- Quê chi	Ngọc Ly-Anh	24
7 -- Cây lúa	Toan-Anh	26
8 -- Được mùa	Võ Đức-Diên	28
9 -- Khai khẩn đất hoang	Linh-Ái	30
• Lá cờ Việt-Nam đầu tiên nơi hải-ngoại	Diệu-Huyền	32

### THÀNH - THỊ

10 -- Sài-Gòn	T.G.T.D <i>thế giới tự do.</i>	34
11 -- Cảnh Huế	Phạm-Quỳnh	36
12 -- Vườn Tao Đàn	Huyền-Nga	38
13 -- Đà-lạt, thủ-đô hoa-viên	A.Đ.	40
14 -- Giang-sơn gấm vóc	S.D.M.N.	42
15 -- Nước Việt	Đào-Viên	44

### CÔNG SỞ, DINH-THỰ

16 -- Đài kỷ-niệm	Giang Minh-Lý	46
17 -- Vườn Bách-thú	Thiếu Lăng-Quôn	48
18 -- Ngôi trường	Mạc Y-Lý	50
• Chuột đồng và chuột tinh	H.T.M.	52

## CÁCH SINH-HOẠT Ở THÀNH-THỊ

- 19 — Buổi chiều ở thành-phố  
20 — Cảnh kẹt xe  
21 — Thị-thành buổi sáng  
22 — Những công-viên trong thành-phố  
23 — Giải-trí không tốn tiền  
24 — Ngày vui

## THUẦN-PHONG MỸ-TỤC

- 25 — Gia-đình giáo-dục  
26 — Tục trâu cau  
27 — Làm con phải hiếu  
• Tục tiền bỏ quên  
28 — Lễ cưới  
29 — Đêm giao-thừa  
30 — Ở n thầy

## NGHỀ - NGHIỆP

- 31 — Tiều-công-nghệ Việt-Nam  
32 — Nghề thuộc da và đóng giày  
33 — Trau-giời nghề-nghiệp  
34 — Thợ thêu  
35 — Thợ mộc  
36 — Bài hát của người tiều-phu  
• Chim sơn-ca và các con

## ĐỒ DÙNG CỦA THỢ

- 37 — Cái hái  
38 — Máy may  
39 — Béc thợ rèn

- 54  
56  
58\*

- Thế-Việt  
Nguyễn-Hoạt  
Thị-Động Diễm-Ái  
Anh-Tuấn  
Huy-Sơn  
Trần thị Thùy-Hoa

- 66  
68  
70  
72  
74  
76  
78

- Đào Duy-Anh  
Hồng-Thiện  
Linh-Vương  
Nhu-Tuyết dịch  
Toan-Anh  
Nguyễn Khắc-Mẫn  
Khánh-Linh

- 80  
82  
84  
86  
88  
91  
92

- Giáo-dục Nguyệt-san  
Quang-Khánh  
Trọng-Hân  
T.G.T.D  
Ngọc-Giao  
Nguyễn Hữu-Tri  
Trần Ngọc-Bích

- 94  
96  
98\*

## CÁC NHÀ MÁY

- 40 — Xưởng gạch bông  
41 — Nhà máy thủy-tinh  
42 — Nghĩa hợp-quần

- 100  
102  
104

- Vân-Thọ  
T.G.T.D.  
Nhạn-Đà

## THƯƠNG-MẠI : CỬA HÀNG

- 43 — Lịch-lợi của thương-mại  
44 — Một tiệm vải  
45 — Chăm lo buôn-bán  
• Tàng đá rai

- 106  
108  
110  
112

- Lê Tấn-Hùng  
Mai-Sơn  
Mệnh-Bách  
Mai-Sơn

## CHỢ

- 46 — Chợ Bến-thành  
47 — Phiên chợ Tết  
48 — Nền dùng hàng nội hóa

- 114  
116  
119

- Minh-Huy  
Tiêu-học Nguyệt-san  
Trọng Tú

## HÀNG - HÓA

- 49 — Bán hàng  
50 — Hàng quà nhà quê  
51 — Gánh hàng xén  
52 — Vẽ chợ

- 120  
122  
124  
126

- Khái-Hung  
Nguyễn thị Vinh  
Thiện-Tính  
Thạch-Lam

## VIỆC BUÔN BÁN

- 53 — Nghề buôn-bán của người  
Hoa-kiều  
54 — Đón mẹ về chợ  
• Ba người xứ Flamand

- 128  
130  
132

- Nguyễn Chánh-Lý  
Mạc Y-Lý  
Dung phồng dịch

## SỰ GIAO - THÔNG

- 55 — Xe-lô Biên-hòa  
56 — Đèo Hải-vân  
57 — Sự giao-thông xưa và nay

- Thiệt-Mai  
Vũ Minh-Thiều  
Quỳnh-Giao

- 134  
136  
138

### CÁCH VẬN - TÀI

58	— Chiếc xe ngựa	140
59	— Di xe đạp	142
60	— Trờ về quê cũ	144
61	— Chuyền xe lô	146*
62	— Chuyền tàu sớm	148
63	— Giao-thông trên địa-cầu	150
	• Con cáo ranh-mãnh	152
64	— Di máy bay	154
65	— Tàu cập bến	156
66	— Chung đàn	159

Hà Huyền-Chi	140
Thanh-Tĩnh	142
Duy-Siêng	144
Người sông Thương	146*
Phạm Cao-Cùng	148
Lời Chim Non	150
Vân-Yến	152
Theo J.M.	154
A.N. dịch	156
Khánh-Linh	159

### BƯU - CHÍNH

67	— Nhà Dây-thép Chợ-lớn	160
68	— Nhận thư	162
69	— Thư gửi chị	164
70	— Du-khách không giấy thông hành	166
71	— Ai đặt ra tem gửi thư ?	168
72	— Lòng yêu nước	170
	• Chồn và cạp	172

Phước-Thọ	160
Kim-Tuấn	162
Nhật-Lệ	164
T.G.T.D.	166
Tuần-báo Ngày Nay	168
Thị-Đặng Diễm-Ái	170
Trần-Dũng	172

### VŨ - TRỤ : TRỜI ĐẤT

73	— Bầu trời	174
74	— Vũ-trụ thu nhỏ	176
75	— Luật tạo-hóa	178
76	— Cuộc chuyển-vận của các tinh-tú	180
77	— Hòa-diệm-sơn	182
78	— Sáng hồng	184
79	— Nhìn trăng	186
80	— Nhật-thực	188
81	— Vui trắng	190
	• Quả trứng của Kha-Luân-Bổ	192

Mai-Sơn	174
T.G.T.D.	176
Khởi-Hưng	178
Duy-Anh	180
T.G.T.D.	182
Trần Trung-Phương	184
Nguyễn thị Vinh	186
Nhu-Tuyết	188
Ngô Tường-Đặng	190
Mai-Sơn	192

### HIỆN TƯỢNG VÀ THỜI-TIỆT

82	— Cầu vồng	194
83	— Xuân tới	196
84	— Di hái lộc	198
85	— Nắng miền Nam	200
86	— Gió lạnh đầu mùa	202
87	— Nắng thanh-bình	204
88	— Trời mưa	206
89	— Bão	208
90	— Mưa	210
	• Bà-tước Đại-Ngôn	212
91	— Sờ Khi-tượng	214

Xuân-Mai	194
Khái-Hưng	196
T.T. Thùy-Hoa	198
Bàng Bá-Lân	200
Thạch-Lam	202
Nhạn-Đà	204
Bảo-Sơn dịch	206
Hàn Thế-Du	208
Duy-Siêng	210
Hà Mai-Anh thuật	212
Nhu-Tuyết	214

### ÂM-LỊCH VÀ DƯƠNG-LỊCH

92	— Lịch và đồng-hồ	216
93	— Nghĩa đồng-bào	218
94	— Lịch cổ của người Chăm	220
95	— Biết quý thời-giờ	222
96	— Hè về	224
	• Người Á-rập và con lạc-dà	226
	• Ngư-ông và biển cá	228

Thế-Việt	216
Tự-Lộ	218
Nguyễn Khắc-Ngũ	220
Mai-Sơn	222
Duy-Siêng	224
T.X.	226
Tô Kiều-Ngân	228





## 1. Làng tôi

1. Làng tôi gồm nhiều trại ở rải-rác hai bên đường cái quan.
2. Mỗi trại gồm năm bảy nhà tranh, thỉnh-thoảng mới thấy một ngôi nhà gạch tường trắng, mái đỏ. Nhà nào cũng có vườn. Qua hàng rào thưa, người ta trông thấy nào đu-đu, nào mít, nào ổi, nào vú sữa, nào trứng cá, nào tầm-duộc, trái sài-chi-chít.

Chung quanh trại, những cây dừa lá-lướt lá xanh trước gió. Trên những con đường mòn, hai bên có rậm, mấy chiếc xe thồ-mộ chở hàng ra chợ Thủ-đức.

Giữa làng một tòa miếu nhỏ đứng sừng bèn gốc cây đa cò-thụ, mái phủ rêu, tường phai bạc vì mưa nắng.

3. Xa xa, một lạch nước quanh co trong cánh đồng trông mìa, trồng ngô, trồng lúa. Nhiều ruộng đã gặt rồi, còn trơ gốc rạ. Người ta nhìn rõ một chiếc thuyền con đang bơi trên dòng, trong đám dừa nước xanh xanh.

### THỂ VIỆT

- Phát-âm :** Quan — quanh — thỉnh-thoảng — vườn — vú sữa.  
**Giải-nghĩa :** Trại : khu nhà ở trong cánh đồng.  
 Đường cái quan : đường rộng lớn, đường chung cho các làng để lên quận, lên tỉnh.  
 Sai trái : trái nhiều.



Miếu : đền thờ.

Rạ : thân cây lúa còn lại sau khi đã gặt bông rồi.

### Phân đoạn :

1. — Vị-trí của làng.
2. — Quang-cảnh trong làng.
3. — Cảnh đồng làng.

**Đại-ý :** Làng tôi là một làng sung-lúc. Trong làng nhà nọ cũng có vườn bông trái, ngoài đồng trồng lúa và các thứ hoa-màu.

**Câu hỏi :** Ý-tưởng. — Làng tác-giả ở đâu ?  
 Phần nhiều các nhà trong làng làm bằng gì ?  
 Trong vườn trồng những cây gì ?  
 Tòa miếu cổ được dựng ở đâu ?  
 Tòa miếu này có tư bao giờ ?  
 Sao trò biết ?

**Lời vãn. —** Nhà tranh, « tranh » đây có đồng-nghĩa với « tranh » trong tiếng « tranh ảnh » không ?  
 « Tranh » đây là gì ?

Sai chi-chít, « sai » nghĩa là thế nào ?

Làm một câu ngắn với tiếng « sai ». Tiếng nào được dùng để tả dáng mềm-mại của những cây dừa ?



## 2. Xóm Giếng

1. Con đường xóm bỏ vào trong ngõ qua một vòm cổng gạch phủ cỏ và rêu xanh ngun-ngút.

Mái nhà thừa-thớt rải-rác trong bóng cây. Khung trời xanh, ngàn cây xanh, béo xanh xanh nở trên ao, nhuộm cho cái xóm vắng-vẻ một phong-cảnh hoang-dại.

2. Vắng vắng cờ tiếng dẹt cửi lách-cách với tiếng hát và tiếng trẻ con reo cười. Bóng người thấp-thoảng trong bóng mát vườn cây. Buổi chiều, những cô con gái kéo nước ngoài giếng khơi trước cổng xóm, dưới một gốc cây phượng, cái gáo mo rơi lạt-sạt bên thành đá. Nước lịch-rích rì xuống như tiếng khúc-khích của những người con gái kéo gáo giỡn nhau.

Ngoài kia, qua một lớp vườn hoang là cánh đồng bao-la. Trẻ con thả diều. Người lớn thông-thả dạo mát.



3. Mặt trời mùa thu lặng-lẽ chim xuống sau cánh đồng lúa. Cuộc đời êm-dềm không một chút đổi thay như trong tranh vẽ.

### TỔ HOÀI

(Xóm Giếng ngày xưa)

**Phát-âm** : Xanh — lạt-sạt — điều.

**Giải-nghĩa** : Vòm cổng : cổng ước hình khum-khum, hình cong. Nhuộm : tô nhuộm một màu nhàn-nhật. Đây là : cho một vẻ hoang-dại. Hoang-dại : có những cây cỏ tự-nhiên mọc, không người sửa sang. Giếng khơi : giếng do người ta đào để lấy nước mạch (còn « giếng khơi » là giếng sâu, nước trong). Mo : phần dưới của lá cau, bản rộng bọc lấy vỏ cây cau. (Mo khô dày và bền dùng làm gáo, làm gàu múc nước).

**Phân đoạn** :

1. — Quang-cảnh vắng-vẻ và hoang-dại của xóm.
2. — Sự sanh-hoạt hàng ngày của dân xóm.
3. — Cuộc đời êm-dềm trong xóm.

**Đại-ý** : Phong-cảnh xóm Giếng trông có vẻ hoang-dại song đời sống của những người dân trong xóm rất êm-dềm.

**Câu hỏi** : Ý-tưởng. — Muốn vào xóm Giếng người ta phải qua đâu ? Những gì đã làm cho xóm Giếng có một vẻ hoang-dại ? Vào tới xóm, người ta nghe thấy những tiếng gì ? Ở trong nhà, người ta làm gì ? Người ta làm công việc gì ngoài đồng ? Đời sống của dân xóm Giếng thế nào ?

**Lời văn.** — Tiếng « ngun-ngút » đây nghĩa là gì ? Những tiếng nào đã được dùng để tả các âm-thanh mà người ta nghe thấy ở xóm Giếng ? « Mặt trời chim xuống », tiếng « chim xuống » đây có thể được thay bằng tiếng gì ?



### 3. Hè đã qua rồi

Sáng nay hè đã qua rồi,  
Trống trường thông-thả từng hồi gọi em.

Gió thu nhẹ lướt bên thềm,

Nắng thu ấm-áp bướm chim nô đùa.

Cổng trường rộn tiếng guốc khua,

Các em đến lớp thi đua học-hành.

Lật trang sách mới tham lành,

Lời hay ý đẹp rõ rành biết bao !

Nghe cô giảng đến chỗ nào,

Thì em lấy bút ghi vào sổ ngay.

Hoa đời, chớm nở từ đây,

Các em quyết luyện bàn tay chuyên-cần.

D.S.

**Phát-âm :** Rõ rành — giảng — hè qua — quyết luyện — chuyên cần.

**Giải-nghĩa :** Hoa đời : tuổi trẻ tươi đẹp như hoa — Chớm nở : hé nở.

— Luyện : tập cho thành-thạo — Chuyên-cần : chăm chỉ, siêng-năng.

**Đại-ý :** Ngày khai-trường, các em vui-vẻ thi đua nhau học tập.

**Câu hỏi :** Ý-trường. — Ngày tựu-trường thường vào tháng nào ? Có tiếng gì giục-giã các em đi học ? Quang-cảnh trường học ngày tựu-trường thế nào ? Khi có giảng bài thì em làm gì ? Các em quyết-định sẽ học-hành thế nào ? Lời văn. — Hè đã qua rồi, thay tiếng « qua » bằng tiếng khác. Phân-nghĩa tả sự sôi-sảng học-hành của học-sinh ? Tóm những tiếng đồng-âm với « trông ».



#### 4. Ngôi nhà bác Xả Bông

1. Cũ kè Xả Bông cũng vào bậc khá trong xóm. Hần có một cái nhà « trên » hường nam, một cái nhà « ngang » hường đông, sát đầu nhà ngang, một cái chuồng heo. Bên kia, đối-diện với nhà ngang, một cái bếp và một cái chuồng trâu nối liền nhau.
  2. Tất cả những nhà ấy vẩy bọc lấy ba phía cái sân nên vuông-vắn, nhân-nhụi như chiếc chiếu rộng. Còn một phía trước mặt là một bức tường đất gồ-gề, trên cắm xương rồng. Cổng ra vào mở ngay ở đầu chuồng heo. Ở khoảng đầu nhà bếp là một màu đất vuông để đồng rạ.
  3. Chình giữa, quay mặt vào nhà trên, một « cây hương » xây gạch cao như cái cột vuông, chia làm hai tầng. Trước mặt cây hương, một cái bê con chi đựng nổi chừng mười thùng nước, chia rỏ đất và tương hoa ra hai phần đều nhau.
- Trong rỏ đất, một hàng sáu cây cau vút và hai cây chanh cối ở hai đầu bê.

Theo TRẦN-TIÊU  
(Chồng con)



Phát-âm :

**Giải-nghĩa :** Loại cây nhỏ, thân cây trông như cái xương, có gai, có nhựa trắng như sữa.

**Cây hương :** cái bê xây, có chân cao, trên để bát hương thờ. Tầng : tầng, bậc, đợt.

**Bê :** thứ thùng lớn hình hộp hay hình trụ xây bằng gạch dùng để đựng nước, còn gọi là hồ. **Rỏ đất :** dải đất nhỏ hẹp. **Cối :** giã và cần-cối, không này-nỡ được nữa.

**Phân đoạn :**

- 1.— Nhà chánh và các nhà phụ-thuộc của bác Xả Bông.
- 2.— Sân và cổng vào.
- 3.— Cánh-vật trước nhà.

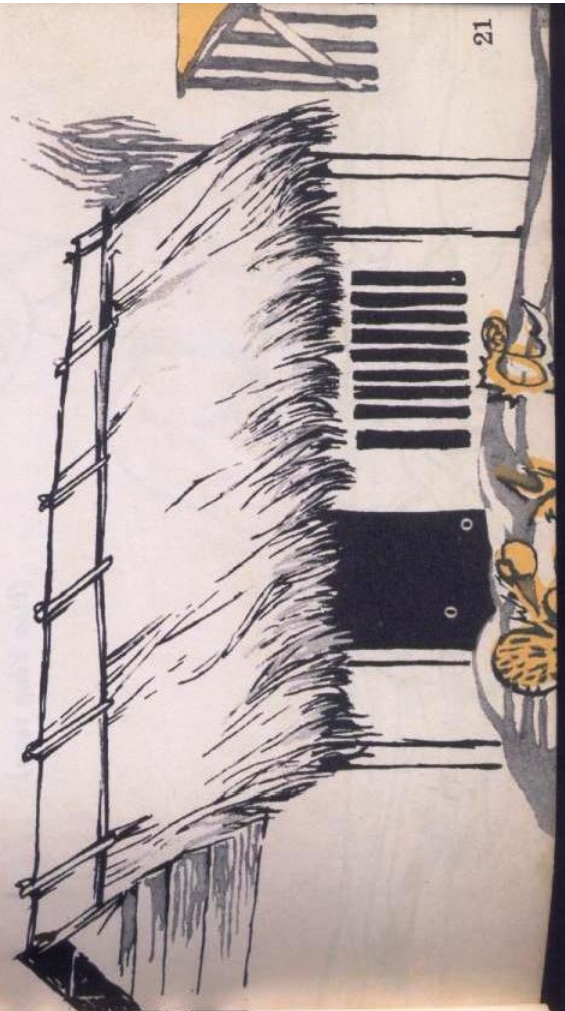
**Đạt-ý :** Ngôi nhà của bác Xả Bông là một ngôi nhà vào bậc khá giả trong xóm, gồm có nhà chánh, nhà ngang, chuồng trâu và chuồng heo.

**Câu hỏi :**

**Ý-tưởng.**— Bài này tả cái gì ? Ngôi nhà của Xả Bông có những phần nào ? — Tác-giả vẽ cái sân, đất nên với cái gì ? — Trong vườn trồng gì ? — Đọc bài này, em đoán nhà bác Xả Bông giàu hay nghèo ? Tại sao ?

**Lời văn.**— Tại sao tác-giả vẽ cái sân đất nên như chiếc chiếu rộng ? — Tiếng phân-nghĩa với « nhân-nhụi » là gì ? — Một màu đất, « một màu » nghĩa là gì ? — « Tương đất » và « tương hoa » khác nhau thế nào ?

**Chuồnng** -- chiếc chiếu -- trước -- trong -- khoảng -- cau cao.



## 5. Thăm vườn cũ

1. Lang-thang trong căn vườn bát-ngát những cây cao, tôi muốn tìm lại ít kỷ-niệm, ít vẻ đẹp mà tôi đã yêu quý một thời...
2. Tận cuối vườn rộng, thấy tôi đến, một đàn ngỗng sợ hãi kêu « cá-kêu » inh ỏi, chạy nhầy xuống ao làm tung toé nước. Ao vẫn nguyên như cũ, đáy vại bực đá mòn vẫn thân-nhiên ngấm chân trong nước, mơ-màng, có lẽ chưa quên tôi. Bỏ guốc, tôi bước xuống như ngày nào còn nhớ... nhưng chân tôi đau còn non nớt !... Tôi té nước chậm-chạp lên đầu gối. Đàn ngỗng đã không kêu nữa, con thì rìa lông; con thì vươn cổ thân-nhiên lênh-bềnh nôi... vại ba chiếc lông giò trôi quanh eo trên mặt nước thu trong khe gợn trước gió, như chiếc thuyền không lái.
3. Tất cả êm nhẹ, và tôi cảm thấy lòng tôi cũng nhẹ như những chiếc lá tre khô lúc rơi trên mặt nước không tiếng.

số tám  
(Họa Vàng vang)



**Phát-âm :** Chạy — nhảy — tóe — thuyền.

**Giải-nghĩa :** Căn vườn : thửa vườn, miếng vườn. **Kỷ-niệm :** những việc đã qua, còn ghi nhớ lại. **Thân-nhiên :** bình-tĩnh như không. **Té nước :** dùng tay gạt nước lên. **Rìa lông :** dùng mô tuốt lông cho sạch. **Nước thu :** nước về mùa thu.

**Phân đoạn :**

1. — Mục-dịch cuộc thăm vườn cũ.

2. — Quang-cảnh vườn xưa.

3. — Cảm-tưởng êm-dịu lúc viếng vườn.

**Đại-ý :** Cuộc thăm vườn cũ đã gợi lại cho tác-giả những kỷ-niệm êm đẹp thời niên-thiếu.

**Câu hỏi :** **Ý-tưởng.** — Tác giả đi lang-thang trong căn vườn để làm gì ? Tại sao đàn ngỗng kêu inh-ỏi ? Trong vườn cũ có cảnh gì không thay đổi ? Tác giả cảm thấy trong lòng thế nào ?

**Lời văn.** — « Lang-thang » nghĩa là gì ? Tìm tiếng đồng-âm với tiếng « té » trong bài ? Tác giả vi những chiếc lông ngỗng với cái gì ? « Rơi trên mặt nước không tiếng » ý nói gì ?



## 6. Quê chị

Một sáng em về quê của chị,

Giữa mùa hoa nở khắp thôn-trang.

Nơi đây không khí thơm hương lúa,  
Lóng-lánh sương mai dưới nắng vàng.

Quê chị dừa xanh tỏa rợp đầu,

Bên đường xanh ngắt những nương dâu.

Hàng cau cao ngát rung-rinh gió,

Ruộng lúa vàng tươi rất một màu.

Em đã xa rồi song vẫn nhớ,

Bóng hình quê chị đẹp thanh thanh.

Nơi đây có những người em nhỏ,

Thường đến trường quê để học-hành.

NGỌC-LY-ANH

### Phát-âm

Cau — cao — tỏa — những — dừa — gió — vàng.

### Giải-nghĩa :

Thôn-trang : làng xóm.

Tỏa rợp : xòe cánh lá ra và che khắp.

Nương : vườn cao.

Rung-rinh : lung-lay, chuyển động nhẹ.

### Đại-ý :

Những cánh tươi đẹp nơi quê chị gợi lưu-luyến của người em nhỏ.

### Câu hỏi :

Ý-tưởng. — Em đã về quê vào lúc nào ?

Cảnh quê có những gì ?

Không-khi ở đây thế nào ?

Hiện nay em còn ở quê không ?

Xa quê em nhớ đến gì ?

Lời vịnh. — Lấy tiếng « lóng-lánh » làm thành câu. Tìm 4 câu đã được dùng để tả cảnh quê. Tiếng « rung-rinh » gợi cho ta biết giờ thời nhẹ hay mạnh ? Tìm tiếng đồng-nghĩa với « song ».



## 7. Cây lúa

1. Ruộng đã có nước, việc cấy lúa bắt đầu. Các cô thôn-nữ cùng nhau quây mạ ra đồng.
2. Ba bốn cô cấy một thửa ruộng. Những bó mạ đặt ngay ở giữa ruộng. Các cô cời bó mạ ra, tay cầm từng nắm nhỏ, cấy từ bờ ruộng này sang bờ bên kia. Các cô cúi lom-khom, thoăn-thoắt đưa tay cầm những cây mạ xuống ruộng. Các cô vừa cấy vừa lùi; cứ theo bước chân các cô lùi, những hàng mạ được cấy lên.
3. Trời lấm-tấm mưa phùn, gió bắc cầm-cầm thổi những cây mạ cây rồi, ngã đầu theo chiều gió. Mặt nước, lăn-tăn gợn sóng. Vài con tôm, con tép nhảy tanh-tách làm mặt nước rung-rinh với những vòng tròn nhỏ.

Các cô hối-hả lo công việc, không quản gì khó-nhọc với nắng mưa. Các cô nghỉ tới ngày phong-lưu của năm sau, ngày mà thóc vàng tỏa hương thơm ngát khắp cánh đồng, ngày mà người ta lũ-lượt gánh lúa về làng.

TOAN ANH

(Tập-chí Chí-đạo)



Phát-âm : Thoăn-thoắt — vòng — việc — gió — giữa.

Giải-nghĩa : Thôn-nữ : (Thôn = xóm, làng nhỏ; nữ = con gái) có gái quê. Quây mạ : (quây là gánh, mạ là cây lúa non) gánh lúa non để cấy vào ruộng.

Mưa phùn : mưa hạt nhỏ như bụi bay. Còn gọi là mưa bụi.

Hối-hả : vội-vã.

Phong-lưu : nhàn-hạ, không phải lo ăn lo mặc.

Phân đoạn :

1. — Các cô thiếu-nữ gánh mạ ra đồng.

2. — Các cô cùng nhau cấy lúa.

3. — Các cô hăng-bái làm việc, không quản gió mưa.

Đặt-y : Các cô thôn-nữ không quản mưa phùn gió bắc cầm-cời cấy lúa và nghỉ tới ngày phong-lưu của năm sau.

Câu hỏi : Ý-ước. — Khi nào người ta bắt đầu cấy lúa ? Muốn cấy lúa, các cô thôn-nữ phải làm những gì ? Tại sao các cô phải vừa cấy vừa lùi ? Trong khi làm việc, các cô thôn-nữ có ý-ngĩ gì ?

Lời văn. — « Quây » đồng-nghĩa với tiếng gì ? « Lom-khom » nghĩa là gì ? « Tim tiếng phàn-nghĩa với « thoăn-thoắt ». Câu nào tả cảnh được mùa ?



## 8. Được mùa

1. Miền Nam không bị lụt lội. Với hệ-thống sông ngòi như trời cho, lúc nào cũng có nước sâm-sấp chân lúa, và với khí-hậu điều-hòa đêm sương ngày nắng, những bông lúa vàng cứ nặng trĩu trên những cánh đồng mênh-mông, có thể nói là những biên lúa mà mắt người không trông thấy được bờ.

2. Miền Nam đã không thể kịp cùg cấy một lúc và cùg gặt một lúc, vì đất-đai cạnh-tác đã quá mênh-mông. Cho nên mùa gặt cứ kéo dài suốt từ tháng một đến tháng hai mới kè là xong. Dù lúa sớm hay dù lúa muộn, bao giờ người nông-dân từ lúc cấy lúa xuống ruộng cũng đã yên trí là sẽ đem xe trâu ra ruộng mà gặt lúa về.

3. Trong cánh vui mừng được mùa ấy thì xuán về. Còn gì khiến con người hơn-hở được hơn? Còn gì vui mắt và hời lòng hơn là cánh gió xuán đười những đụn sóng lúa đến tận chân trời xa?

VÕ ĐỨC DIỄN  
(Sáng Dội Miền Nam)



**Phát-âm** : Sâm-sấp — xuôn — xa — nặng trĩu.

**Giải-nghĩa** : Hệ-thống : (hệ = sợi tơ nhỏ; thống = mối nối tiếp nhau). Thứ-tự của sự vật có quan hệ với nhau, đây là một khu sông ngòi liên-hệ với nhau. Khí-hậu : tình-trạng của không-khí, thời-tiết. Canh-tác : việc cấy-cấy, trồng-trọt. Tháng một : (gọi tắt) tháng thứ mười một âm-lịch. Hời lòng : thóa lòng, bằng lòng. Đụn sóng : gợn sóng.

**Phân đoạn** :

1. — Điều-kiện thuận-tiện cho việc trồng lúa ở miền Nam.
2. — Mùa gặt kéo dài suốt mấy tháng.
3. — Cảnh vui mừng ngày được mùa.

**Đại-ý** : Nhờ điều-kiện thuận-tiện, miền Nam luôn luôn được mùa khiến dân quê sung-sướng trong cảnh ấm-no.

**Câu hỏi** : Ý-tưởng. — Tại sao lúa miền Nam tốt? Tại sao người ta vì những cánh đồng lúa như những « biển » lúa? Vì sao mùa gặt miền Nam lại kéo dài nhiều tháng? Ở miền Nam khi đã cấy lúa rồi, người nông-dân có hy-vọng gì?

**Lời vắn**. — Giải nghĩa « sâm-sấp ». — Lấy tiếng ấy làm thành câu. — Tìm ba tiếng danh-từ ghép bắt đầu bằng tiếng « nặng » như « nặng -dân ». — Tiếng « hời » trong « hời lòng » có thể thay thế bằng tiếng nào?





## 9. Khai-khẩn đất hoang

Nơi đây bát-ngát cánh đồng,  
Ngày xưa lau sậy một vùng bao-la,  
Đốn cây, đốt cỏ, làm nhà,  
Đoàn người thách cá phong-ba núi rừng.  
Nếp sinh-hoạt mới tung-bùng,  
Những bàn tay phá núi rừng khàn-hoang.  
Tiếng cười, câu nói vang vang,  
Suốt ngày cày máy, cát vàng bãi tung.  
Cỏ lau ngã hiện ra cùng lúa, ngô,  
Đất màu-mỡ hiện ra cùng âm-no,  
Nơi này đời được thấy nở hoa bốn mùa,  
Mọi người lòng thấy nở hoa bốn mùa,

LINH-ÀI



**Phát-âm :** Hoang — lau sậy — cày máy — màu-mỡ.  
**Giải-nghĩa :** Bát-ngát : rộng không biết đến đâu là cùng. — Bao-la : rộng mênh-mông. — Đốn cây : chặt cây. — Thách : đố dám làm, ở đây là dám làm không sợ nguy-hiêm, khó-khăn. — Phong-ba : gió và sóng, ý nói những trở-lực lớn lao. — Khàn-hoang : khai phá đất bỏ không để trồng-trọt và cây cấy.

**Đặt-ý :** Đoàn người vui-vẻ, hăng-hái khai-khẩn đất hoang, thành ruộng lúa, nương ngô.

**Câu hỏi :** Y-tưởng. — Vùng lau sậy bát-ngát ngày xưa được biến đổi thành gì ? Có được cánh đồng bát-ngát như vậy người ta đã phải làm gì ? Ở đây người ta dùng gì để cày ? Tại sao mọi người đều vui-vẻ ?

**Lời văn.** — « Bát-ngát » nghĩa là gì ? Trong bài có tiếng nào đồng-nghĩa với « bát-ngát » — Câu nào tả được sự vui-vẻ của dân quê ? Tìm tiếng phản-nghĩa với « âm-no ».

Nước ta hồi ấy chưa có quốc-kỳ, vào lúc phái-đoàn ở Huế ra đi vua Tự-Đức và cả triều-thần không ai ngờ sẽ xảy ra việc « Cháo cờ » ở ngoại-quốc. Cả phái-đoàn đều bối-rối. Ông đội Lương Doãn bên thưa :

— Dạ bẩm ba cụ, nước ta không có quốc-kỳ mà chuyện này gấp rút quá, vậy xin lấy tạm cái khăn gói của cụ chánh-sứ bằng lụa kỳ-cầu còn mới tinh, màu đỏ tươi đẹp quá, để làm cờ.

Ba cụ sử-thần bàn luận rồi đồng ý làm theo viên đội-trưởng. Và để cho khỏi lẫm với quốc-kỳ Ai-cập, bốn chữ nhỏ « Đại-Nam Khâm-sứ » được thêu bằng chỉ vàng trên tấm khăn gói lụa điều.

Lúc tàu Européen vừa cập bến Suez, Chính-phủ Ai-cập liền cho bắn 19 phát súng lệnh, chào mừng phái-đoàn của Hoàng-đế Đại-nam thì trên cột cờ tàu đã phát-phới lá cờ « Đại-Nam Khâm-sứ ». Sau đó mấy hôm trên toa xe lửa Ai-cập chở phái-đoàn Việt-nam ra Port-Saïd cờ « Đại-Nam Khâm-sứ » tung bay bên cạnh cờ Ai-cập màu đỏ giữa thềm mặt trắng lười liềm. Khi tàu thủy chở phái-đoàn vào hải-cảng Pháp, cờ « Đại-Nam Khâm-sứ » cũng ngạo-nghe trên cột cờ tàu và Hải-quán Pháp cũng bắn 19 phát súng chào mừng cái khăn gói của cụ sử-thần Phan Thanh-Giản.

Khi về nước cụ Phạm Phú-Thư tàu lại việc này cho vua Tự-Đức nghe, nhà vua ngồi dựa tay lên gối cười ha-ha.

CÁI DIỆU-HUYỀN

(Tập-chí Phê-Thông bộ mới)

Chú-thích.— Européen : đọc là Ô-rô-pê-ăng.

Đại-y.— Ông Lương Doãn đã có cấp-trị nghĩ ra lá cờ « Đại-Nam Khâm-sứ » và làm vinh-dự cho nước ta.

## TRUYỆN GIẢI-TRÍ

### Lá cờ Việt-nam đầu tiên nơi hải-ngoại

Năm 1863, vua Tự-Đức cử một phái-đoàn sang Pháp điều-định xin chuộc lại ba tỉnh miền tây Nam-kỳ. Phái-đoàn gồm có cụ Phan Thanh-Giản chánh-sứ và hai cụ Nguyễn Khắc-Đán và Phạm Phú-Thư Phó-sứ; đoàn tùy-túng do ông đội-trưởng Lương Doãn chỉ-huy.

Ngày 18 tháng 8 vào giờ Thân (3 giờ chiều) tàu thủy Européen chở phái-đoàn sắp cập bến Suez (Ai-cập) thì đại-diện Pháp đi theo phái-đoàn cho biết: theo thủ-tục quốc-tế khi tàu của một vị đại-sứ ngoại-quốc đến một hải-cảng nào thì hải-cảng ấy bắn 19 phát súng lệnh để chào mừng và chiếc tàu phải thượng-cờ của nước mình. Vậy xin đại-sứ cho thượng cờ Việt-nam lên để đáp lễ chính-phủ Ai-cập khi họ bắn súng chào mừng đại-sứ của Hoàng-đế Việt-nam.

## 10. Sài-gòn

1. Sài-gòn, thủ-đô chính-trị và văn-hóa của Việt-nam Cộng-hóa được các nhà hàng-hải Tây-phương mệnh-danh là « Hòn ngọc Viễn-đông ».
2. Sài-gòn, một thành-phố mỹ-lệ với những công-thự nổi tiếng như dinh Gia-Long, tòa Đô-chính, nhà Bưu-điện, với những buyn-đinh cao ngất, những công-viên như Thảo-cầm-viên, vườn Tao-đàn, những giáo-đường như Vương-cung Thánh-đường, những ngôi chùa cô-kính, mỗi nơi lại phở bày một lối kiến-trúc đặc-biệt của Á-đông. Bảo-tàng-viện, thiết-lập tại Thảo-cầm-viên, là nơi trình bày những di-tích cổ xưa của nền văn-hóa Đông-phương nói chung và nền văn-hóa Việt-nam nói riêng.
3. Thêm vào đấy, Sài-gòn là một đô-thị mỹ-lệ, ư-nhã và thanh-lịch với những nét đặc-biệt của một dân-tộc đã có hơn bốn ngàn năm văn-hiến.

Theo T. G. T. B.

**Phát-âm** . Tòa — buyn-đinh — Gio-Long — di-tích — văn-hiến.

**Giải nghĩa** : Văn-hóa : những điều hấp-thụ được về văn-chương, giáo-đục, phong-tục, nghệ-thuật... của một nước.

Mệnh-danh : đặt tên.

Cô-kính : cũ-kỹ và vững-bền.

Kiến-trúc : xây đắp.

Di-tích : dấu vết thời xưa còn sót lại.

Ưu-nhã : (ưu : hơn, nhã : thanh tao, trái với thô-tộc) thanh-tao hơn.

Văn-hiến : nói một dân-tộc có học-hành và có luật-lệ.



**Phân đoạn** :

1. — Sài-gòn được mệnh-danh là Hòn-ngọc Viễn-đông.
2. — Các công-thự nổi tiếng ở thủ-đô.
3. — Sài-gòn có một vẻ đẹp đặc-biệt.

**Đặc-y** : Sài-gòn là một thành-phố mỹ-lệ và thanh-nhã với các công-thự nổi tiếng và những nét đặc-biệt của một nền văn-hóa Đông-phương.

**Câu hỏi** :

- Ư-tưởng. — Sài-gòn thường được mệnh-danh là gì ?  
 Tại sao ? Kể những công-thự nổi tiếng ở Sài-gòn ?  
 Trong Bảo-tàng-viên người ta trưng bày những gì ?  
 Sài-gòn có một vẻ đẹp thế nào ?

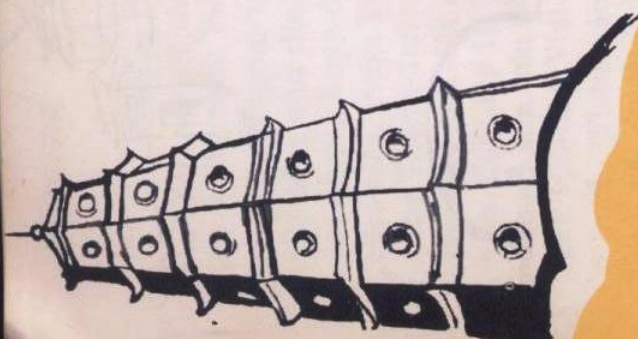
**Lời văn**. — Tiếng « buyn-đinh » là tiếng Việt hay tiếng mượn của nước ngoài ? Phân biệt nghĩa của tiếng « công » trong những tiếng « công-viên », và « làm công » ? Lấy mỗi tiếng đó làm thành câu ngắn ? Kể những danh-từ riêng ở trong bài.

## 11. Cảnh Huế

1. Người khách mới đến thành Huế, tưởng như bước chân vào trong bức tranh cảnh : chung quanh núi, giữa con sông, nhà cửa tụ họp hai bên bờ, trên bến dưới thuyền, trông xa một tòa thành cổ bao-la, thăm-nghiêm kín công.

2. Cái phong-cảnh ở Huế sở-đĩ đẹp, thừ nhất là bởi con sông Hương. Con sông xinh thay ! Nước trong như vắt, dòng phẳng như tờ, ít khi có sóng gợn, đi thuyền trên sông như đi trong hồ vậy. Huế không có con sông Hương thì tưởng cái đẹp của xứ Huế giảm đi mất nửa phần. Nhưng đã có sông Hương lại có núi Ngự nữa, cái cảnh mới thực là toàn xinh. Ngự-bình không phải là một núi cao như núi Phú-sở nước Nhật, Hương-giang không phải là một sông rộng như sông Hoàng-hà nước Tàu, nên nói rằng sông ấy, núi ấy làm hiem-trở cho chốn đế-kinh thì cũng là nói quá, nhưng sông ấy núi ấy thật là vẽ nên phong-cảnh xứ Huế vậy

Theo PHẠM QUỲNH



**Phát-sâm :** Kín — ít — xinh.

**Giải-nghĩa :** Thành : bức tường cao và dày bao quanh một cung-điện, một đô-thị.

**Thăm-nghiêm :** (thăm = sâu, nghiêm = có uy-thể đáng sợ) sâu thăm và trang-trọng.

**Phong-cảnh :** cảnh-vật tự nhiên bày ra trước mắt.

**Sở-đĩ :** lý do..., đực thể vl...

**Hiem-trở :** nói đường-sá hoặc địa-thế khó đi lại.

**Phân đoạn :**

1. — Cảnh-tượng của du-khách khi vừa bước chân tới Huế.

2. — Sông Hương, núi Ngự đã tô-điểm thêm cho cảnh đẹp của Huế.

**Phong-cảnh Huế** vừa cổ-kinh nhờ có tòa thành cổ, vừa **đẹp thanh-nhã** nhờ có sông Hương, núi Ngự.

**Ý-lường :** Mời đến Huế du-khách có cảm-tưởng thế nào ? Huế đẹp là nhờ gì ? Nước sông Hương thế nào ? Nếu không có sông Hương, núi Ngự cảnh Huế sẽ thế nào ? Sông Hương và núi Ngự có làm hiem-trở cho đế-kinh không ? Tại sao ?

**Lời vờn :** « Phẳng như tờ » nghĩa là gì ? Tìm tiếng phản-nghĩa với « bao-la ». Những tiếng đồng-âm với « tranh » là gì ? « Đế-kinh » còn gọi là gì ?



## 12. Vườn Tao-đàn

Giữa đê-thị, tung-bùng nào-nhiệt,  
Vườn Tao-đàn điểm nét thanh-quang.  
Thênh-thang lối dọc đường ngang,  
Cây cao bóng cả nắng vàng nhạt thưa.  
Cỏ xanh viền những luống hoa tươi.  
Trong hồ cá lượn thảnh-thơi,  
Góc cây tiện có ghé ngồi nghỉ chân.  
Qua bồn cỏ tới gần vườn trẻ,  
Tiếng oanh vàng thỏ thẻ đồng ca.  
Chiều chiều du-khách vào ra,  
Đến đây tránh bụi phồn-hoa ít nhiều.

HUYỀN-NGA

**Phát-âm :** Quang — ngang — bạc — viên — luống.

**Giải-nghĩa :** Tao-đàn : (tao : nói người cổ văn tài, người phong-lưu thanh lịch, đàn : nền đắp cao đề tế lễ, diễn giảng, nơi công chùng hội họp) tên một công-viên, ở góc đường Lê-Văn-Duyệt và Nguyễn-Du, Sài-gòn. — Thanh-quang : trong trẻo, sáng sủa. — Nhật thưa : (nhật : mau, liền, trái với thưa ; thưa : thưa thớt, không kín, không đóng) đây là khi nhiều, khi ít. — Oanh : chim hoàng-anh, lông đẹp, tiếng hót hay. — Bụi phồn-hoa : (phồn : nhiều, hoa rực-rỡ) chốn nào-nhiệt xa-xỉ, nơi thành-thị. Bụi phồn-hoa trở sự huyền-náo hoặc sự chệt-vật trong đời sống nơi thị-thành.

Vườn Tao-đàn ở giữa Thủ-đô có bóng cây râm mát, có cảnh đẹp hoa thơm là một nơi giải-trí rất thanh-nhã.

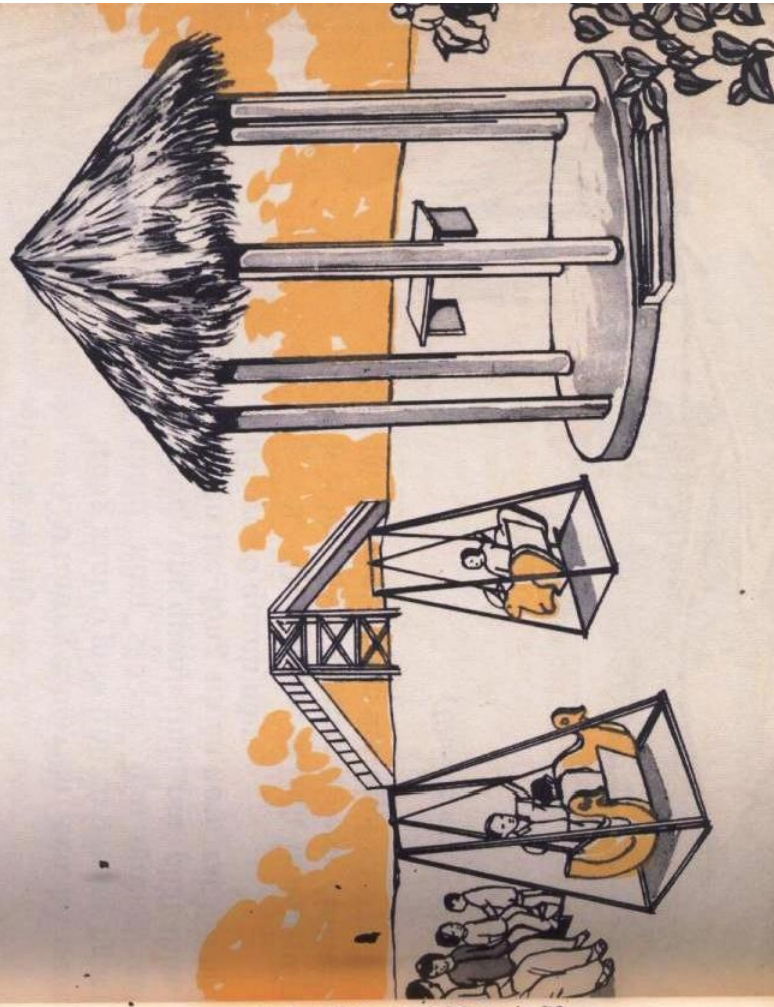
**Ý-tưởng :** Vườn Tao-đàn là một nơi thế nào ? Vào vườn Tao-đàn người ta trông thấy những gì ? Những ghé dài đặt ở gốc cây dùng để làm gì ? Vườn trẻ là gì ? Chiều chiều người ta đến vườn Tao-đàn để làm gì ?

**Lời văn.** — « Bông cả », « nước bạc » là gì ? — « Thỏ-thẻ » nghĩa là gì ? (1) — Phấn-nghĩa với : « nào-nhiệt », « thênh thang », « thành-thời » là gì ?

(1) **Thông-thả, rừ-rừ** (có câu tục-ngữ : thỏ-thẻ như trẻ tên ba).

**Đại-ý :**

**Câu hỏi :**



### 13. Đà-lạt, thủ-đô hoa-viên

1. Khắp các tỉnh trong nước, Đà-lạt được dựng nên giữa một vườn hoa lá muôn màu. Khoáng xanh là của các công-viên, tư-viên đã dinh liệ với khoáng xanh của đồn-điền và rừng núi thành những đường viên linh-độn và duyên-dáng. Những khoáng xanh đ ù-áp cho những biệt-thự theo đủ các kiểu tân-kỹ.

2. Nhờ khi-hậu mát lạnh, các kỳ-hoa dị-thảo từ khắp nơi trên thế giới đem lại, đã như được đất để sinh sống và nảy nở.

Từ những công-viên bên hồ nước trong xanh ở giữa tỉnh có bàn tay người chăm nom săn-sóc, đến những sự nước xung quanh tỉnh mà phần thiề nhiên tác-động nhiều hơn, các thứ hoa đã rực-rỡ quanh năm.

3. Quả nhiên, cá tỉnh là một vườn hoa lớn mà mỗi bước đi của du-khách lại gặp một vẻ đẹp đột-ngột và kỳ-thù

A.D.

(Tiểu-học nguyệt-san)

**Phát-âm :** Khoáng — viên — duyên-dáng.

**Giải-nghĩa :** Đồn-điền : (Đồn = chỗ lính đóng, điền = ruộng) chỗ lính đóng làm ruộng để lấy lương ăn. Nghĩa rộng là một nơi khai-khân thành ruộng đất.

**Biệt-thự :** nhà riêng ở một nơi mát-mẻ yên tĩnh.

**Kỳ-hoa dị-thảo :** hoa lạ, cỏ lạ.

**Đột-ngột :** bất-ngờ, làm cho ngạc-nhiên.

**Phân đoạn :**

1.— Đò-thị Đà-lạt được dựng nên giữa vườn hoa lá muôn màu.

2.— Vẻ đẹp của hoa cỏ, hồ và suối.

3.— Nơi hấp-dẫn du-khách.

**Đại-ý :** Đà-lạt là một đô-thị ở giữa một vườn hoa lá muôn màu, khí-hậu mát-mẻ, cảnh trí đẹp tuyệt vời.

**Câu hỏi :** Ý-tưởng. Tại sao gọi Đà-lạt là thủ-đô hoa-viên ? Khi-hậu mát-mẻ của Đà-lạt có lợi cho cây cối thế nào ? Hoa ở Đà-lạt nở vào mùa nào ? Tại sao Đà-lạt được ví như một vườn hoa lớn ?

**Lời văn.—** Phân-nghĩa với « tân-kỹ » là gì ? Giải-nghĩa tiếng « thiên-nhiên ». Tại sao lại gọi là « đường viên linh-động » ? « Hoa-viên » và « công-viên » khác nhau thế nào ?



## 14. Giang-sơn gấm vóc

1. Giang-sơn của chúng ta gấm vóc, không phải là khi mới có dân-tộc ta trên mảnh đất này nó đã gấm vóc rồi. Trải qua bao cuộc đời thay, tổ-tiên chúng ta đã đem không biết bao nhiêu công sức để xây dựng nên cơ-đồ này.

2. Truyền đến thế-hệ chúng ta, chúng ta lại nối tiếp công-trình ấy, lại đem công-sức để góp phần xây dựng thêm. Như thế, chúng ta vừa được hưởng ngay cái lợi thiết-thực đến đời sống hiện-tại, lại vừa có thể lưu lại cho đời sau những nền móng mới cho sẵn đã để xây dựng thêm nữa.

3. Có nhận-định rõ điều ấy thì khi nhìn vào các đô-thị mới, được mọc lên ở giữa rừng, ở ven biển, người ta mới thấy phần đóng góp quan-trọng của thế-hệ chúng ta vào công cuộc xây dựng chung.

Theo Sáng Dội Miền Nam

**Phát-âm :** Dụng — điều — trình.

**Giải-nghĩa :** Giang-sơn : (giang = sông, sơn = núi) sông núi, nói chung là đất nước.

**Gấm vóc :** gấm là hàng dệt có hoa và nhiều sắc, vóc là hàng tơ, nên có vân và bóng; ý nói đẹp như gấm như vóc.

**Thế-hệ :** lớp người cùng lứa tuổi và cùng sống một thời.

**Cơ-đồ :** nền-nếp, sự-nghiệp.

**Nền móng :** nền là chỗ đất cao nện chặt để dựng nhà lén; móng là chân tường xây sâu xuống đất, ý nói cơ-sở vững-vàng.

**Phân đoạn :**

1. — Nước ta được tốt đẹp như ngày nay là nhờ công lao của nhiều lớp người kế tiếp.

2. — Thế-hệ ta đang nối tiếp công-trình ấy.

3. — Phần đóng góp của chúng ta vào công việc xây dựng chung cũng quan-trọng lắm.

**Đại-ý :** Tổ-tiên chúng ta đã đem không biết bao nhiêu công sức để xây dựng nên đời non sông gấm vóc này, bổn-phận chúng ta là phải nối tiếp công-trình ấy.

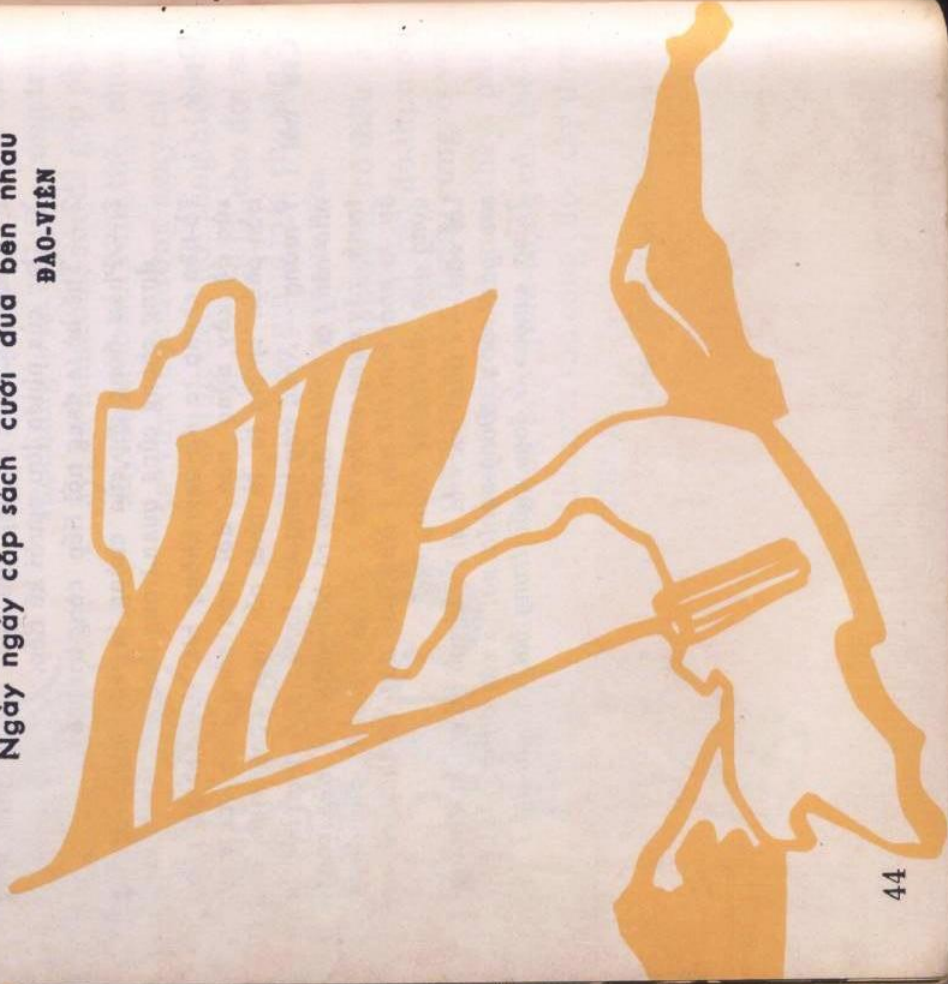
**Câu hỏi :** Ý-tưởng. — Ngày nay giang-sơn ta đẹp như gấm vóc là nhờ công ai? Hiện thời ai có bổn-phận nối tiếp công-trình xây dựng nước nhà? Muốn góp phần xây dựng ấy, ta phải làm thế nào? Nhìn vào đâu, ta thấy rõ sự đóng góp của thế-hệ chúng ta?

**Lời văn. —** « Gấm vóc » là gì? Tại sao lại gọi là « giang-sơn gấm vóc ». Đồng-nghĩa với « xây dựng » là gì? Tiếng « mọc » ở đoạn cuối trong bài có nghĩa gì?

## 15. Nước Việt

Nước em là nước Việt-Nam,  
Có tên lịch-sử bốn ngàn năm dư.  
Về vang một bức họa-đồ,  
Con Hồng, cháu Lạc điềm-tổ sơn-hà.  
Bác Nam thống-nhất, Âu-ca thanh-binh.  
Em buồn kẻ dạy chiến-chinh hại người.  
Em mong đời mãi yên vui,  
Ruộng đồng lúa chín, 'thuận trời nắng mưa,  
Chúng em một lũ trò thơ  
Ngày ngày cắp sách cười đùa bên nhau

ĐÀO-VIÊN



**Phát-âm :** Họa-đồ — giục — thuận — ngày.

**Giải-nghĩa :** Họa-đồ : bức vẽ hình. Lẽ một nơi nào — Con Hồng, cháu Lạc : thuộc dòng dõi vua Lạc-Long họ Hồng-Bàng, ý nói người Việt. — Sơn-hà : san là núi, hà là sông, ý nói chung đất nước. — Âu-ca : hát có ý ngợi khen. Dậy đao-binh : gây chiến-tranh. — Chiến-chinh : sự đánh nhau bằng quân lính và khi-giới, nghĩa cũng như chiến-tranh.

**Đại-ý :** Các em mong đất nước thanh-bình để được yên vui học-tập.

**Câu hỏi :** Ý-tưởng. — Nước Việt đã có từ bao giờ ? Em có biết tại sao lại gọi chúng ta là « Con Hồng cháu Lạc » không ? Trong thời Đinh, Lê, Trần, Lý, nước ta thế nào ? Em buồn giận ai ? Em mong mỗi gì ?

**Lời văn.** — Tìm mấy tiếng ghép với tiếng « chiến » như « chiến-chinh ». Phân-nghĩa với « thanh-bình » là gì ? Tiếng đồng-nghĩa với « hờn » là gì ? Kể những danh-từ riêng trong bài.

